

UNIT1 – LESSON 2

I – LESSON SUMMARY

1. Vocabulary:

Ski: Trượt tuyết	Snowboard: Trượt tuyết bằng ván	In-line skate: Trượt bánh
		
Skateboard: Trượt ván	Surf: Lướt ván	Ice-skate: trượt băng
		

2. Structure:

1. He's/ she's good at **skiing** (anh ấy/cô ấy trượt tuyết giỏi) 2.
He/she isn't good at **skiing** (anh ấy/cô ấy không giỏi trượt tuyết)





3. Is he/she good at **skiing**? (anh ấy/cô ấy có giỏi trượt tuyết không?)
⇒ Yes, he's/ she's very good at it (có, anh ấy/ cô ấy rất giỏi)
⇒ No, he's/ she's not very good at it (không, anh ấy/cô ấy không giỏi lắm)



II – HOMEWORK

1. Look and Write:

 <p>.....</p>	 <p>.....</p>	 <p>.....</p>
 <p>.....</p>	 <p>.....</p>	 <p>.....</p>

2. Look and Match:

 <p>A</p>	1. He is good at skateboarding.
 <p>B</p>	2. She is good at in-line skating.
 <p>C</p>	3. She is good at snowboarding.
 <p>D</p>	4. He is good at surfing.

<p>2</p>  <p>E</p>	<p>5. He is good at ice-skating.</p>
<p>3</p>  <p>F</p>	<p>6. He is good at skiing.</p>

3. Underline the mistake and correct it (each sentence has 1 mistake):

1. He's good at ski.
2. He isn't good at skating.
3. Is you good at in-line skating?
– No, she isn't very good at it.....
4. Is she goods at ice-skating?